

CƠ CẤU XÃ HỘI NHẬT BẢN THỜI TRUNG THẾ

HOÀNG MINH LỢI*

I. Bối cảnh lịch sử và những nhân tố mới tác động đến cơ cấu xã hội Nhật Bản

Nếu Nhật Bản thời Cổ đại (thế kỷ IV - 1192) là sự khởi nguồn, thì thời Trung thế (1192 - 1542) là bước phát triển kế tiếp của dòng chảy lịch sử đó. Hơn nữa, mỗi thời kỳ còn là một mốc lớn đánh dấu bước phát triển cao hơn của xã hội Nhật Bản trong lịch sử. Thật vậy, thời Cổ đại gắn liền với sự hình thành nhà nước đầu tiên cùng với việc xuất hiện những mầm mống của quan hệ sản xuất phong kiến thì thời Trung thế là sự hình thành phát triển bước đầu của phương thức sản xuất đó.

Cuối thế kỷ XIII, Minamoto Yoritomo (1147 - 1199) dựng lên một chính quyền của tầng lớp võ sĩ (Samurai) đầu tiên trong lịch sử ở Kamakura thuộc miền Đông Nhật Bản. Tiếp đó, năm 1192, Yoritomo được Thiên hoàng phong cho chức hiệu Tướng quân (Shogun) chính thức lập ra hệ thống chính quyền võ gia (hay chính quyền quân sự) gọi là Mạc Phủ (Bakufu) cùng tồn tại với chính quyền Thiên hoàng cho đến năm 1868. Chính quyền của Tướng quân Yoritomo được xây dựng dựa trên hệ thống gồm ba cơ quan chính là Samura Dokoro (chức năng quản lý hoạt động quân sự), Monchujo (cơ quan điều tra, xét xử, tố tụng liên quan đến luật pháp), Kumonjo (cơ quan xử lý các vấn đề hành chính).

Từ năm 1219, dòng họ Minamoto bị tiêu diệt để nhường chỗ cho dòng họ Hojo. Dòng họ này đưa người của dòng

họ Fujiwara làm Tướng quân về danh nghĩa còn thực quyền nằm trong tay các Nhiếp chính dòng họ Hojo (năm 1333 chế độ Nhiếp chính suy vong). Xã hội Nhật Bản thời kỳ Kamakura (1192 - 1333) có nhiều biến động bởi đây là giai đoạn hình thành chế độ phong kiến, trong đó xuất hiện một hệ thống quyền lực kiểu mới, đưa tầng lớp Samurai lên vị trí cao trong xã hội và chi phối các lãnh địa. Bên cạnh đó, sự xâm chiếm đất đai của các lãnh chúa ngày càng gia tăng và mở rộng thành những thái ấp và kèm theo đó là những đặc quyền, đặc lợi mà họ được hưởng. Các thái ấp ngày càng tăng lên về quy mô và quyền được miễn trừ với nhiều tầng lớp xã hội phục vụ sinh sống nơi đây như một xã hội thu nhỏ.

Trong hệ thống chính quyền Kamakura, những võ sĩ có địa vị rất cao với việc được phong thái ấp, bổ nhiệm chức quản lý đất đai tại các thái ấp cùng nhiều đặc quyền, đặc lợi khác nhau nên quyền lực ngày càng lớn, đặc biệt ở các địa phương họ quản lý. Xã hội Kamakura cho thấy sự phân chia đẳng cấp rất rõ và dù chính quyền có ban hành một số đạo luật (như luật Joei năm 1232) nhằm hạn chế các hình thức áp bức, bóc lột nông dân và nông nô song cuộc sống của họ không khá lên nhiều bởi tô thuế cao (nộp 40-60% tổng thu hoạch) cùng phu phen, tạp dịch khác nữa.

Thời kỳ này, những người thợ thủ công, thương nhân ngày càng đông và có vai trò quan trọng trong nền kinh tế. Công nghệ luyện kim, buôn bán phát triển từ thế kỷ XII khiến đời sống xã hội

* Cán bộ nghiên cứu, Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á.

phong kiến có nhiều thay đổi và phong phú hơn, nhất là khi quan hệ thương mại với bên ngoài, đặc biệt với Trung Quốc được nâng lên một bước mới.

Về văn hoá cũng cho thấy, đây là thời kỳ Phật giáo không chỉ mở rộng theo xu hướng dân tộc, màu sắc Nhật Bản mà còn trở thành một tôn giáo bình dân. Trong sự hình thành và phát triển của các tông phái Phật giáo thì sự xuất hiện của tông phái Thiền (Zen) có ảnh hưởng rất lớn đối với Nhật Bản, đặc biệt là về văn hoá. Có thể nói, thời kỳ chính quyền Mạc Phủ Kamakura và các Nhiếp chính Hojo là một trong những giai đoạn thịnh đạt nhất của tôn giáo trong lịch sử Nhật Bản.

Trong khi Nhật Bản đang trong quá trình phát triển tương đối ổn định thì tình hình chính trị - xã hội ở phía Đông lục địa châu Á đang có nguy cơ xấu đi bởi sự xâm lược của quân viễn chinh Mông Cổ thời bấy giờ. Nhật Bản cũng phải trải qua hai cuộc kháng chiến chống quân Mông - Nguyên năm 1274 và 1281 với thắng lợi cuối cùng thuộc về phía Nhật Bản. Thắng lợi của quân đội Nhật Bản trước sức mạnh của quân Mông - Nguyên thật ngoài sức tưởng tượng, song hệ quả sau các cuộc kháng chiến cũng vô cùng nặng nề. Thực tế thì trước sự khắc nghiệt của các cuộc kháng chiến, triều đình và Thiên hoàng đương thời lại thể hiện rõ sự nhu nhược và bất lực không đảm nhiệm nổi sứ mệnh cứu nước. Rất may, chính nhờ có sự phát triển của một quốc gia phong kiến có tổ chức chặt chẽ mà Nhật Bản thoát khỏi cảnh “ngàn cân treo sợi tóc”. Thật vậy, các nhà lãnh đạo chính quyền phong kiến Mạc Phủ đã thể hiện rõ ý chí kiên cường, tài tổ chức, chỉ huy, đoàn kết các lực lượng chống ngoại xâm để đưa cuộc kháng chiến chống Mông - Nguyên đến thắng lợi hoàn toàn. Tuy nhiên, sau đó

Nhật Bản vẫn phải chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu trong hơn 20 năm và cùng với điều đó là nhân tài, vật lực cực lớn được huy động khiến không tránh khỏi sự phàn nàn với chính quyền Mạc Phủ và các Nhiếp chính dòng họ Hojo. Mặt khác, trong khi nền kinh tế khủng hoảng, tầng lớp võ sĩ ngày càng suy yếu đã làm cho chính quyền võ gia lao đao thì trái lại tầng cường thế lực của tầng lớp lãnh chúa phong kiến (Daimyo). Thế lực của tầng lớp này ngày càng mạnh đến mức bắt đầu chống lại chính quyền Mạc Phủ và của dòng họ Hojo. Năm 1333, các lực lượng ủng hộ Thiên hoàng cùng hợp sức đánh chiếm Kamakura, chỗ dựa cuối cùng của dòng họ Hojo. Sự cáo chung của dòng họ này cũng đồng thời đặt dấu chấm hết cho thời kỳ Mạc Phủ Kamakura, một thời kỳ có nhiều thành tựu về kinh tế văn hoá, xã hội và luật pháp.

Thiên hoàng Go-Daigo trở lại kinh đô sau khi tiêu diệt dòng họ Hojo và cũng không thoát vị để làm Thái Thượng hoàng như các bậc tiền nhiệm trước đó. Nhiều thay đổi của Thiên hoàng nhằm có lợi cho hoàng tộc và quý tộc triều đình đã làm cho tầng lớp võ sĩ bất bình muốn khôi phục chế độ Mạc Phủ. Trong cuộc xung đột này, năm 1336, Ashikaga Takauji (một viên tướng của dòng họ Hojo) đã đánh chiếm Kyoto buộc Thiên hoàng phải rút về phía Nam Kyoto lập một triều đình mới mà lịch sử gọi là “Nam Triều”. Ở Kyoto, Takauji lập Thiên hoàng Misuaki làm vua, lịch sử gọi là “Bắc Triều” hay gọi chung là thời kỳ Nam - Bắc triều (1333 - 1392). Năm 1338, chính quyền Mạc Phủ đặt tại đường phố Muromachi ở kinh đô Kyoto nên được gọi là Mạc Phủ Muromachi.

Năm 1392, sau 40 năm hỗn chiến Nam - Bắc Triều, Thiên hoàng Bắc Triều chỉ làm vua còn quyền lực thực tế thuộc

về Tướng quân của chính quyền Mạc Phủ Muromachi do họ Ashikaga nắm giữ. Trước thời kỳ Mạc Phủ Muromachi (1338 - 1573), tình hình chính trị, xã hội luôn biến động bởi nội chiến, cát cứ xảy ra liên miên. Thật vậy, mặc dù quyền lực trong tay dòng họ Ashikaga nhưng đất nước không thực sự thống nhất. Các lãnh chúa phong kiến ở các địa phương với lực lượng quân sự riêng liên tục gây xung đột để mở rộng phạm vi thế lực, tranh giành quyền bá. Hệ quả của những cuộc tranh chấp đó là năm 1467 nổ ra cuộc nội chiến lớn mà lịch sử Nhật Bản gọi là “loạn chiến Onin” (1467-1477) nhằm tranh giành chức Tướng quân. Nguồn gốc của loạn chiến khá phức tạp song tựu chung là do ảnh hưởng của những biến đổi xã hội sâu sắc như những tầng lớp mới hình thành, khuôn khổ truyền thống rạn nứt, quyền sở hữu thay thế trật tự phong kiến v.v... Sau 10 năm loạn chiến không phân thắng bại giữa các thế lực phong kiến song hệ quả của nó là sự tan rã hoàn toàn của chính quyền Mạc Phủ Muromachi. Quyền lực chính trị thực sự rơi vào tay dòng họ Hosokawa đại biểu cho giới thủ lĩnh quân sự, vì thế các Tướng quân sau đó chỉ đóng vai trò bù nhìn không có thực quyền.

Loạn chiến Onin không chỉ làm thay đổi vị trí giai cấp thống trị mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến các giai tầng khác nhau trong xã hội đặc biệt là với giai cấp nông dân. Sau loạn chiến Onin, nông dân hầu như bị mất ruộng đất cày cấy mà vẫn phải chịu mọi thứ thuế của chính quyền Mạc Phủ. Do đó, sự phản kháng của nông dân với chính quyền là tất yếu và tuy chưa giành thắng lợi trọn vẹn nhưng đã làm chính quyền Mạc Phủ đã suy yếu càng suy yếu hơn. Những biến động xã hội sâu sắc từ sau loạn chiến Onin dẫn đến sự thay đổi cơ bản về thể chế của chế độ phong kiến Nhật Bản

đương thời. Trật tự phong kiến bị đảo lộn bởi sự cát cứ của các lãnh chúa ở những miền đất rộng lớn với toàn quyền cai trị ở đó cùng với hệ thống luật pháp của riêng mình. Trong khi đó, quyền lực của chính quyền trung ương ngày càng suy giảm, Thiên hoàng và Tướng quân không còn khả năng điều hành đất nước vì sự không tuân phục của các lãnh chúa địa phương. Thậm chí những lãnh chúa thuộc dòng họ lớn nhiều khi còn lấn át quyền lực của Thiên hoàng và Tướng quân. Ngự trị trong cả nước là tình trạng bất tuân thượng lệnh được thể hiện rõ nhất ở sự đối lập giữa chính quyền trung ương với các lãnh chúa phong kiến và tầng lũ. Sau nữa là sự tranh giành lẫn nhau nhằm mở rộng phạm vi thế lực của lãnh chúa phong kiến địa phương.

Đến cuối thế kỷ XV, nghệ thuật chiến tranh thay đổi từ khi pháo binh xuất hiện, đồng thời với việc nông dân đi lính quân dịch có số lượng ngày càng tăng. Quá trình này ngày càng phát triển đã góp phần tạo nên sự thay đổi quan trọng trong đời sống ở nông thôn. Trước tiên đó là sự xuất hiện của những pháo đài kiên cố của các nhà quý tộc mới ở nông thôn nhằm bắt buộc những thuộc hạ sống gần pháo đài còn đất đai của thuộc hạ sẽ do người khác quản lý. Chính sách này dẫn tới việc hình thành những thị trấn xung quanh pháo đài và tách biệt người lính khỏi nông dân. Trước kia không có sự phân biệt rõ ràng này thì từ nay đi lính đã là một nghề và phải sống ở thị trấn, đô thị cho nên nông thôn phát triển theo một chiều hướng mới. Đó là sự hình thành cuộc sống làng xã với cơ cấu xã hội nông thôn có sự phân biệt rõ giữa tầng lớp tộc trưởng, hào phú trong làng xã với người nông dân.

Nhìn chung, từ cuối thế kỷ XIV, nông dân trở thành một tầng lớp xã hội những người tiểu nông, vị trí xã hội

được cải thiện và ngày càng được tự do hơn. Tuy nội chiến liên miên nhưng kinh tế thời kỳ Muromachi vẫn có những khởi sắc về nông nghiệp (năng suất tăng, các loại giống lúa, đậu... mới xuất hiện). Bên cạnh đó, chế độ thừa kế tài sản, đất đai cũng thay đổi dẫn tới sự hình thành một tầng lớp mới những điền chủ ở nông thôn, chiếm cứ những mảnh đất không lớn nhưng biết thâm canh tăng năng suất trong nông nghiệp. Nói chung tầng lớp nông dân trở thành những quý tộc nhỏ hoặc tiểu chủ, họ không còn phụ thuộc vào giới đại điền chủ như trước mà có khuynh hướng độc lập trên lãnh địa của mình. Chính họ đóng một vai trò quan trọng trong việc phát triển nông nghiệp trong thế kỷ XIV, XV. Thời kỳ này xuất hiện quá trình giải phóng nông dân, hình thành giai cấp nông dân độc lập và có quyền sở hữu ruộng đất. Trong bối cảnh đó, sự phát triển sản xuất và thương mại đã tạo thuận lợi cho nông dân, họ có cơ hội thoát ly ruộng đất để trở thành những nhà buôn hoặc thợ thủ công.

Sự phát triển của nông nghiệp đã góp phần thúc đẩy các ngành kinh tế khác như thủ công nghiệp, thương nghiệp và ngoại thương cũng phát triển mạnh hơn trước rất nhiều. Nhờ sự phát triển đó mà các đô thị và phố chợ mọc lên khắp nơi trong nước. Những đô thị lớn ở Nhật Bản thời Trung thế như Kyoto, Nara, Kamakura, Osaka còn được xem như những trung tâm chính trị và tôn giáo. Sự lớn mạnh của những đô thị chứng minh sự phát triển của tầng lớp thị dân và thương nhân giàu có với cuộc sống tự do, không phụ thuộc xuất hiện từ nửa cuối thế kỷ XV.

Như vậy cơ cấu xã hội Nhật Bản thời Trung thế hình thành và phát triển trên cơ sở của bối cảnh lịch sử và sự tác động của các nhân tố mới trong kinh tế, văn

hoá, chính trị, xã hội, quân sự, luật pháp kể trên.

II. Phân tầng xã hội

1. Thiên hoàng

Cuối thế kỷ IV, nhà nước đầu tiên ở Nhật Bản hình thành với tên gọi Yamato là kết quả của quá trình chinh phục nhiều tiểu quốc. Theo truyền thuyết và sử sách ghi lại thì người đứng đầu nhà nước Yamato được coi là có nguồn gốc thần thánh (con của thần Mặt trời (Amaterasu) nên trở thành Thiên hoàng. Cùng với thời gian, vị thế độc tôn của Thiên hoàng được khẳng định chắc chắn đến mức từ thế kỷ VII, họ tự coi mình ngang hàng với Hoàng đế của Trung Quốc. Theo đó, các Thiên hoàng cũng là người thay Trời để cai trị thiên hạ nên Thiên hoàng cũng được mệnh danh là Thiên tử (con Trời). Với quan niệm như vậy, từ thời Cổ đại, mọi thần dân đều là con cái của Thiên hoàng nên dù có thay đổi gì chăng nữa thì sự cách biệt trong xã hội chỉ còn là giữa Thiên hoàng và thần dân. Hơn nữa, với mục đích tập trung quyền lực vào chính quyền trung ương, Thiên hoàng trở thành người có quyền lực cao nhất nắm toàn bộ ruộng đất và thần dân. Sở dĩ như vậy vì quyền lực của Thiên hoàng được thừa nhận như một lẽ đương nhiên, thay Trời trị quốc để thống nhất dân tộc thành một khối. Do vậy, Thiên hoàng trở thành biểu tượng của toàn dân và người dân chỉ có quyền phục tùng vô điều kiện vì ý muốn của Thiên hoàng là ý Trời. Qua lịch sử Nhật Bản đã khẳng định thần quyền của Thiên hoàng là "Thiên mệnh Trời trao", bất di bất dịch từ cổ chí kim là quyền lực tuyệt đối.

Thời Trung thế, Phật giáo có ảnh hưởng lớn đến xã hội Nhật Bản và có vai trò nhất định đối với công việc triều đình nhưng công cụ để cai trị vẫn phải lấy giáo lý Khổng giáo. Song, không vì

thể những tư tưởng ảnh hưởng từ Trung Quốc có thể chiếm ưu thế trong suy nghĩ, hành vi ứng xử của Thiên hoàng. Trên thực tế, Thiên hoàng là người thực hiện chức năng chủ trì các nghi lễ trong triều đồng thời có vai trò quan trọng trong các nghi lễ tín ngưỡng nông nghiệp. Với vị thế của mình, Thiên hoàng là người có quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp song việc thực thi điều này còn phụ thuộc vào từng triều đại mà các Thiên hoàng là đại diện. Thiên hoàng là người duy nhất có quyền bổ nhiệm chức Tướng quân (Shogun), quan Nhiếp chính v.v... đồng thời với quyền sở hữu tối cao đối với toàn bộ đất đai và tài nguyên đất nước. Đương nhiên, tùy theo từng triều đại mà việc thực hiện quyền này lại có những sắc thái khác nhau.

Một vấn đề cần lưu ý bởi liên quan đến ngôi vị cao nhất trong triều đình thời Trung thế là sự xuất hiện của thể chế Thái Thượng Hoàng (từ năm 1072 - 1333). Sự suy giảm quyền lực của Thiên hoàng trước sự lấn át của các quan Nhiếp chính là nguyên nhân chủ yếu dẫn tới sự ra đời của thể chế chính trị này. Theo đó, thể chế Thái Thượng hoàng ra đời nhằm giúp Thiên hoàng đương quyền điều hành việc trị nước, hạn chế vai trò của Nhiếp chính, qua đó giành lại quyền lực thực sự cho Thiên hoàng. Đó là về lý thuyết còn trên thực tế các Thái Thượng hoàng có vai trò chức năng, quyền lực rất lớn dù danh nghĩa đã thoái vị. Quả vậy, điều này không hề ngăn cản việc tham gia triều chính và thể hiện quyền lực của Thái Thượng hoàng khi cần thiết. Cho nên, Thiên hoàng đương quyền nhiều khi chỉ tồn tại trên danh nghĩa bởi quyết định cuối cùng lại nằm trong tay các Thái Thượng hoàng. Dù có những "khác thường" trong hệ thống vương quyền như vậy song khách quan mà xét, mục đích của các Thái Thượng

hoàng là nhằm củng cố vị thế của dòng họ trong việc trị nước, qua đó củng cố vương triều, chính quyền quốc gia phong kiến đương thời.

2. Tướng quân (Shogun)

Sự ra đời của chức vị Tướng quân thời Trung thế đã tạo nên nét đặc thù trong hệ thống phân tầng xã hội ở Nhật Bản. Về nguyên tắc, Tướng quân là người phục tùng Thiên hoàng và do Thiên hoàng bổ nhiệm song trên thực tế Tướng quân là người có quyền hành nhất trong nước khiến cho Thiên hoàng nhiều khi chỉ làm vì mà thôi. Chức năng chủ yếu của Tướng quân là người có quyền kiểm soát tối cao các lực lượng quân sự trong cả nước, ngoài điều đó ra đều phải tuân thủ các mệnh lệnh, quyết sách của Thiên hoàng. Thời kỳ đầu, dù có sức mạnh quân sự nhưng bề ngoài, Tướng quân không dám làm mạnh để lấn át quyền của Thiên hoàng. Thậm chí, qua một thời gian dài Tướng quân luôn coi trọng và tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của Thiên hoàng như xin ý kiến cho duyệt một số chính sách hay bổ nhiệm các quan chức ở địa phương v.v...

Tuy nhiên không hiếm trường hợp sự đối xử của Tướng quân với Thiên hoàng tuy rất kính trọng theo truyền thống từ xưa nhưng rất kiên quyết. Khi không được triều đình bổ nhiệm, chuẩn y một vấn đề gì đó, Tướng quân sẽ lấy lực lượng quân sự để uy hiếp Thiên hoàng. Sự lấn át này cũng có nguyên do từ sự lớn mạnh hơn hẳn chính quyền Mạc Phủ so với chính quyền Thiên hoàng ở Kyoto. Thật vậy, các Tướng quân đã thiết lập một tổ chức bộ máy nhà nước phong kiến với khả năng quản lý một cách hữu hiệu trên thực tế đối với mọi miền của đất nước. Qua đó, người dân Nhật Bản ngày càng coi trọng chính quyền của Tướng quân là chính quyền trung ương hơn là chính quyền Thiên

hoàng ở Kyoto. Những việc làm của Tướng quân ngày càng chứng tỏ sự độc lập riêng biệt và có ảnh hưởng rất lớn tới triều đình kể cả các cơ quan hành pháp cũng vậy. Do đó mọi mệnh lệnh của Tướng quân thông qua các quan chức đứng đầu các địa phương đã dần trở thành lệnh của chính phủ. Tuy nhiên, dù đã nắm quyền thực sự nhưng các Tướng quân không bao giờ có ý định loại bỏ Thiên hoàng mà thay vào đó là nắm giữ được vị thống trị về kinh tế (đất đai, thu thuế) và quân sự, qua đó cùng giành địa vị cao nhất về chính trị. Nhằm tránh đối đầu, căng thẳng với triều đình, các Tướng quân cũng đề cao việc thi hành các biện pháp mềm dẻo như những thái ấp vùng đất của Thiên hoàng và hoàng gia sẽ không chịu sự chi phối của quan chức quản lý đất đai do Tướng quân bổ nhiệm. Sau mỗi cuộc xung đột giữa các thế lực phong kiến và giành thắng lợi, Tướng quân thường đem đất đai của kẻ thua trận ban phát cho các tướng sĩ, những người thân cận đã lập công trong chiến đấu. Qua đó, ruộng đất tư ngày càng được mở rộng thành các lãnh địa riêng thuộc quyền quản lý của các lãnh chúa phong kiến (Daimyo). Tại các lãnh địa này, quyền lực của Tướng quân thay đổi tùy theo hoàn cảnh từ quyền bá chủ hầu trên danh nghĩa cho đến quyền kiểm soát hoàn toàn. Thông qua việc kiểm soát các lãnh địa, gắn chặt các lãnh chúa vào các mối quan hệ ràng buộc trung thành với mình, trên thực tế Tướng quân đã kiểm soát tình hình trong cả nước, chống mọi sự chống đối hay cát cứ của các lãnh địa. Việc bổ nhiệm các quan chức quản lý đất đai các tỉnh, các lãnh địa là một bước quan trọng, qua họ, Tướng quân nắm giữ quyền lợi kinh tế và kiểm soát lãnh địa. Không chỉ vậy, Tướng quân còn đưa tầng lớp võ sĩ đóng vai trò quan trọng trong việc chi phối các lãnh địa. Và lại, việc phong tước võ

sĩ được xem là rất quan trọng vì chỉ Tướng quân là người duy nhất làm điều này và cân nhắc rất kỹ lưỡng trước khi quyết định. Thời Trung thế, Tướng quân là chức danh đưa đến nét độc đáo phân tầng xã hội Nhật Bản song quyền lực của Tướng quân không phải là bất biến mà cũng “thăng, trầm” theo những biến cố của lịch sử. Tướng quân có thể đến đỉnh cao quyền lực thậm chí trừng phạt Thiên hoàng bằng biện pháp cho đi đày đến chết (trường hợp của Thiên hoàng Go -Toba chống lại Mạc Phủ năm 1221). Song đến lượt mình, Tướng quân cũng mất dần quyền lực đặc biệt từ sau loạn chiến Onin. Khi đó, Tướng quân chỉ làm vì mà không có thực quyền, thậm chí các quyết định bổ nhiệm hay phế truất chức Tướng quân lại nằm trong tay một dòng họ thế lực lớn trong chính quyền như dòng họ Hosokawa chẳng hạn.

3. Quý tộc - quan liêu

Quý tộc - quan liêu là tầng lớp giúp Thiên hoàng và Tướng quân cai trị quần chúng bình dân song thực chất, đây không phải là đẳng cấp thuần nhất, ổn định và bất biến mà luôn phát triển, mở rộng bổ sung về số lượng và chất lượng sau mỗi lần thay đổi vương triều và chính quyền. Có thể nói, nòng cốt của tầng lớp quý tộc là bộ phận quý tộc tôn thất mang tính dòng họ, ví như dòng họ của Thiên hoàng, dòng họ Fujiwara v.v... Đặc biệt, một dòng họ lớn khi có được quyền lực trong triều thường tìm cách mở rộng và nâng cao “thân phận” quý tộc cho những người trong dòng họ. Ngoài ra còn có dòng họ tìm cách kết thân với hoàng tộc thông qua con đường hôn nhân, bằng cách đó sau nhiều thế hệ dòng họ nay “nghiễm nhiên” có quan hệ huyết thống với hoàng tộc và trở thành tầng lớp quý tộc của triều đình.

Nếu như tầng lớp quý tộc ở triều đình Kyoto đã định hình từ xa xưa thì sự ra đời của chính quyền Mạc Phủ dẫn tới sự hình thành một tầng lớp quý tộc mới phục vụ cho quyền lực của Tướng quân và các Nhiếp chính. Khởi đầu có thể chỉ là những võ sĩ có địa vị cao trong hệ thống chính quyền Mạc Phủ rồi sau đó được coi ngang hàng với tầng lớp quý tộc. Sau đó quyền lực của Tướng quân ngày càng lớn mạnh thì cùng với đó, chính quyền Mạc Phủ dần dần tập trung tầng lớp quan lại mới có thể được xem là võ sĩ quý tộc trong bộ máy chính quyền. Ngoài võ sĩ, còn có các lãnh chúa phong kiến, các quan chức quản lý cấp tỉnh cũng phát triển thành tầng lớp quý tộc ở địa phương.

Tầng lớp quan liêu tập trung đông đảo nhất ở kinh đô và các đô thị như Kyoto, Nara, Kamakura, Osaka... về cơ bản tầng lớp này bao gồm chủ yếu là Thiên hoàng, quan lại thuộc triều đình trung ương, Tướng quân cùng bộ máy chính quyền ở Kamakura, Muromachi và các cấp chính quyền địa phương. Thời Trung thế cũng ghi nhận quá trình hình thành và phát triển bước đầu của các đô thị, dù chưa toàn diện song xét về mặt cơ cấu xã hội, những đô thị đó đã có một diện mạo khác biệt nhất định so với khu vực nông thôn. Thật vậy, ở hầu hết các đô thị trong cơ cấu các tầng lớp xã hội đã bao gồm tầng lớp quan liêu. Đây là tầng lớp mà ở đô thị nào cũng có dù mức độ có khác nhau. “Thành” là yếu tố trước làm nảy sinh ra “thị” là yếu tố sau nhằm thoả mãn trước hết nhu cầu tiêu dùng của bộ máy cai trị cho nên không phải đô thị nào cũng phát triển nhanh chóng được vì còn phụ thuộc vào yếu tố trước. Bởi vậy, nếu hệ thống chính quyền rời khỏi đô thị nào đó, tất yếu kéo theo sự sa sút nhanh chóng của đô thị đó. Dẫu sao, sự hình thành các đô thị cùng sự tác động của một số nhân tố

khác (trong nước, quốc tế)... là những nguyên nhân của sự xuất hiện đông đảo tầng lớp quan liêu.

Sự ra đời của chính quyền Mạc Phủ dẫn đến tình trạng Nhật Bản không còn một chính quyền trung ương thống nhất bởi quyền lực thực tế nằm trong tay của Tướng quân, Thiên hoàng chỉ làm vì. Tuy nhiên, xét trên nhiều ý nghĩa, Thiên hoàng, Tướng quân vẫn là đại biểu cao nhất của tầng lớp quan liêu. Hiện tượng này cho thấy tính chất tập quyền chuyên chế có xu hướng ngày càng suy giảm ở cuối thời Trung thế khi mà tình trạng nội chiến cát cứ làm cho triều đình trung ương và chính quyền Mạc Phủ suy yếu đến mức Thiên hoàng và Tướng quân không kiểm soát được đất nước. Về đại thể, tầng lớp quan lại ngày càng tăng về số lượng do xu hướng quan liêu hoá của bộ máy chính quyền nhà nước. Không khó lý giải bởi điều này xuất phát từ chính nhu cầu nhân sự cho hệ thống chính quyền từ trung ương đến các địa phương. Hơn nữa, xuất phát từ nguyên tắc quyền đi đôi với lợi ích tất nảy sinh nhu cầu có tính xã hội là sự khát khao quyền lực và gia nhập bộ máy quan liêu.

Trong bối cảnh tồn tại hai hệ thống chính quyền riêng biệt thì các chính sách đãi ngộ và sắp đặt đội ngũ quý tộc quan liêu cũng khác nhau qua từng thời kỳ. Song, nhìn chung thế lực của tầng lớp quý tộc tồn tại ở triều đình Thiên hoàng bị suy giảm trước sự lấn át của chính quyền Mạc Phủ. Cho dù trên thực tế, quý tộc tồn tại triều đình vẫn được hưởng những đặc quyền đặc lợi về ruộng đất, thuế... song vẫn không thể bằng những gì mà tầng lớp quý tộc quan lại của chính quyền Mạc Phủ được hưởng. Những lãnh chúa phong kiến lớn phục vụ cho Tướng quân là những người có quyền sở hữu ruộng đất lớn rồi trở thành tầng lớp phong kiến mới có thể lực ngày

càng mạnh. Trong khi đó thế lực của tầng lớp quý tộc, quan lại phong kiến của triều đình ngày một suy yếu... Chính Tướng quân đã dựa vào tầng lớp quý tộc phong kiến để cai trị đất nước nên đã ban cấp cho tầng lớp này rất nhiều bổng lộc, đặc quyền đặc lợi về chức tước, thái ấp rộng lớn. Ngoài ra, cơ sở giai cấp của chính quyền Mạc Phủ là tầng lớp địa chủ võ sĩ ở các địa phương lệ thuộc vào Tướng quân. Tầng lớp này được chính quyền Mạc Phủ ban cấp ruộng đất cùng nhiều chức danh quan trọng khiến bộ phận quan liêu quý tộc này thành địa chủ với số lượng đất chiếm hữu tư nhân khá lớn. Cùng với quá trình hình thành các lãnh địa độc lập thì ruộng đất tư hữu hoá ngày càng chiếm tỷ lệ lớn tất yếu hình thành giai cấp địa chủ phong kiến khi mà phương thức sản xuất phong kiến đã được xác lập hoàn toàn. Như vậy về mặt quyền lợi, tầng lớp quý tộc - quan liêu là đẳng cấp thượng lưu có nhiều đặc quyền đặc lợi và được pháp luật bảo vệ như một "lẽ đương nhiên". Tuy tầng lớp này không phải hoàn toàn đồng nhất song có thể đặt Thiên hoàng và Tướng quân như một tầng riêng trong cơ cấu phân tầng xã hội Nhật Bản thời Trung thế.

4. Bình dân

Trước hết, đây là bộ phận đông đảo nhất trong xã hội với thành phần chủ yếu là nông dân, thợ thủ công và thương nhân. Trong xã hội thời kỳ Mạc Phủ Kamakura khi các thái ấp mở rộng thì nhu cầu về nhân lực cũng tăng. Trong quá trình đó người nông dân sinh sống, tiến hành canh tác độc lập, có quyền sở hữu một ít ruộng đất. Mỗi hộ nông dân được giao một phần đất cố định và không được rời khỏi mảnh đất đó. Phần lớn các sản phẩm làm ra để đóng thuế và nuôi sống bản thân và gia đình. Họ cũng có một số quyền lợi khác như đánh bắt

cá, thuỷ lợi, lấy gỗ hoặc săn bắn thú rừng. Song, khi có chiến tranh một bộ phận nông dân phải tham gia vào quân đội của lãnh chúa. Tầng lớp quan chức quản lý ruộng đất ngày càng lộng quyền, thu thuế vô tội vạ khiến nông dân bất bình phản đối, do đó, chính quyền Mạc Phủ phải có chỉ dụ cấm bóc lột quá đáng đối với nông dân. Từ sau khi bộ luật Joei ra đời (năm 1232), nông dân có quyền được bán tài sản hay di cư đi nơi khác nếu họ muốn. Tuy vẫn bị đánh thuế khá nặng nhưng người nông dân có quyền chống lại việc gây sách nhiễu của giới quan chức. Những quyền này trước đây chưa hề có song mặc dù vậy, địa vị của họ không vì thế được nâng lên bởi chế độ nông nô chưa bị huỷ bỏ.

Thời kỳ Muromachi, vị trí xã hội của người nông dân được cải thiện, đặc biệt ở các tỉnh miền Tây, có thể nói họ được tự do hoàn toàn. Khoảng cuối thế kỷ XIV, nông dân trở thành một tầng lớp xã hội những người tiểu nông. Họ họp thành phường hội ở các làng và có sự phối hợp hoạt động với các phường hội nông dân ở các làng khác. Sự tự do đã cải thiện vị trí của họ và những người sống gần các thị trấn hoặc các đô thị lớn như Kyoto, Nara có thể bán sản phẩm tự sản xuất để lấy tiền mặt. Thế kỷ XV xuất hiện quá trình giải phóng nông dân, hình thành giai cấp nông dân tộc lập. Theo đó người nông dân nhất là những tá điền có thể khác nhau ở quy mô ruộng đất mà họ được quyền sở hữu hoặc ở khối lượng sản phẩm mà họ thu được được hàng năm. Quyền thừa kế tài sản, đất đai thay đổi đã hình thành một tầng lớp mới những điền chủ ở nông thôn chiếm cứ những mảnh đất không lớn lắm nên tầng lớp này trở thành những quý tộc nhỏ hoặc tiểu chủ. Bên cạnh đó, tầng lớp nông dân tự do đã dần trở thành một giai cấp có thể tự mình vùng lên đấu tranh với chính quyền quân sự và nhiều

khi giành thắng lợi. Hơn nữa, sự phát triển sản xuất và thương mại đã tạo thuận lợi cho nông dân, họ có cơ hội thoát ly ruộng đất để trở thành những nhà buôn hoặc thợ thủ công.

Thợ thủ công, thương nhân và nông dân là bộ phận đông đảo nhất trong cơ cấu cư dân thành thị song thợ thủ công và thương nhân là tầng lớp có vai trò chủ thể trong kết cấu kinh tế - xã hội đô thị. Tuy nhiên, thời kỳ đầu rất khó tách biệt rạch ròi giữa hai bộ phận này bởi hầu hết đều làm cả hai chức năng sản xuất và lưu thông trao đổi sản phẩm. Đầu thế kỷ XV, đã xuất hiện một số ngành thủ công riêng biệt khá phát triển như dệt, sản xuất đồ gốm, chế tạo vũ khí...

Những phường hội buôn bán thời Trung thế có từ rất sớm gọi là Za với ý nghĩa là một địa điểm buôn bán của một số người có quyền lợi như nhau. Thợ thủ công lành nghề cũng có thể hợp nhau lại thành Za coi như những hội nghề nghiệp. Khoảng thế kỷ XV, các phường hội Za tổ chức theo khu vực chứ không phải theo mặt hàng, các phường hội buôn bán ở cùng một nơi. Trước kia, khi chưa lập phường hội Za, nhiều thương nhân dựa vào các cơ sở tôn giáo hoặc đặt dưới sự bảo trợ của một quan chức cao cấp nào đó thì việc làm ăn sẽ thuận lợi hơn. Người bảo trợ sẽ được hưởng một phần trong số lời lãi thu được từ thương nhân.

Tại những địa phương có kinh tế phát triển, có những phường hội buôn bán với tổ chức chặt chẽ ở cả thành thị và nông thôn. Các thương nhân buôn nhiều mặt hàng một lúc như gạo, vải, sắt, tre và nhiều vật thiết yếu khác. Ở các đô thị, các thương nhân buôn bán cùng một mặt hàng tập hợp thành phường hội, mỗi khu phố lại chuyên buôn bán một mặt hàng như phố cá, phố bán dầu, bán gỗ v.v... Các phường hội gắn bó với nhau và

thống nhất định hướng với nhau trong việc tác động đến giá cả, nhiều khi họ chống lại ảnh hưởng của các quan chức chính quyền và các lãnh chúa.

Khi nền kinh tế nông thôn phát triển nhanh thì sản phẩm bán ở các chợ khá phong phú như nông sản, đồ thủ công và nhiều mặt hàng khác do nông dân làm ra khi nông nhàn. Sự phát triển của các nghề thủ công nghiệp như kim hoàn, đúc đồng, nhuộm, sơn, mỹ phẩm, điêu khắc... (trước đây thường là công việc của những thuộc hạ trong các thái ấp) đã hình thành nên tầng lớp thợ thủ công tự do. Tầng lớp này thường tập trung lại ở một số thị trấn, thành phố và về sau được bổ sung những người ở nông thôn ra thị trấn, thành phố để hành nghề.

Như vậy, thợ thủ công và thương nhân không phải là khối thuần nhất mà bao gồm nhiều nghề nghiệp khác nhau với khả năng kinh tế khác nhau qua đó, có cả sự khác nhau về vai trò của họ trong tổ chức sản xuất và kinh doanh. Tuy nhiên sự khác biệt này không quá lớn bởi những nguyên nhân kinh tế - xã hội của Nhật Bản đương thời song tầng lớp này cũng ngày càng lớn mạnh và có vai trò quan trọng trong việc làm biến đổi đời sống xã hội phong kiến sau này.

III. Kết luận

Trên những nét chung nhất, cơ cấu xã hội Nhật Bản thời Trung thế là: Thiên hoàng, Tướng quân, quý tộc - quan liêu và bình dân. Với cấu trúc này, Thiên hoàng về nguyên tắc là người đứng đầu đất nước, có quyền uy tuyệt đối, song trên thực tế, Tướng quân về danh nghĩa đứng sau Thiên hoàng nhưng lại nắm quyền lãnh đạo đất nước. Xét cụ thể hơn, Thiên hoàng nắm quyền ở Kyoto đại diện cho triều đình, còn Tướng quân nắm quyền lực ở Mạc Phủ Kamakura và Muromachi. Tập trung xung quanh Thiên hoàng và Tướng quân là tầng lớp

quý tộc - quan liêu để tạo nên hai hệ thống chính quyền cùng song song tồn tại. Tầng lớp dưới đông đảo nhất là bình dân sinh sống hầu hết ở nông thôn (làng, thái ấp, lãnh địa) còn một phần ở các đô thị mới hình thành và bước đầu phát triển. Ngoài ra, dưới đáy của bậc thang xã hội là tầng lớp nô tỳ, nông nô, kẻ lang thang... chịu thân phận thấp hèn nhất trong xã hội nhưng số lượng không nhiều. Cũng cần phải kể đến tầng lớp (những người theo Phật giáo, Thần đạo (Shinto), Nho giáo...) cũng có vai trò quan trọng trong đời sống xã hội. Tuy nhiên, tầng lớp không phải là những đẳng cấp thuần nhất mà là một tầng lớp dọc kết nối từ tầng lớp bình dân tới tầng lớp trên.

Với cơ cấu xã hội trên có thể thấy được quan hệ trong thang bậc đẳng cấp phong kiến đã hình thành rõ nét. Nhìn từ góc độ xã hội, cấu trúc đẳng cấp thực tế chỉ gồm hai bộ phận là đẳng cấp thống trị và đẳng cấp bị trị. Đẳng cấp thống trị là Thiên hoàng, Tướng quân cùng toàn bộ hệ thống quan liêu nhà nước từ trung ương đến địa phương, còn đẳng cấp bị trị là bình dân hay nói cách khác là toàn bộ số dân còn lại vừa là thân dân vừa bị bóc lột.

Ngoài hai chiều cấu trúc chính là giai cấp và đẳng cấp, xã hội Nhật bản thời Trung thế còn tồn tại những dạng thức khác nhau của cơ cấu xã hội và cho dù là bước đầu song cũng có ý nghĩa quan trọng trên bình diện toàn xã hội. Một trong số đó là cấu trúc thứ bậc nghề nghiệp sĩ, nông, công, thương. Điểm đặc biệt trong quan niệm về "tứ dân" này là bậc "sĩ" tức tầng lớp võ sĩ (Samurai) đã hình thành và phát triển từ thời Cổ đại của Nhật Bản. Chính vì lẽ đó, võ sĩ là tầng lớp có vai trò rất quan trọng không chỉ trong cơ cấu xã hội mà còn trong tiến trình lịch sử chế độ phong kiến ở

Nhật Bản. Liên quan đến tầng lớp võ sĩ thời Trung thế là sự xuất hiện của chế độ Nhiếp chính và lãnh chúa phong kiến lớn (Daimyo). Hầu hết các Nhiếp chính từng lần át quyền lực của Thiên hoàng và Tướng quân và lãnh chúa đều thuộc tầng lớp võ sĩ, do đó có vị thế quan trọng của tầng lớp này trong cơ cấu xã hội là đương nhiên. Và, cùng với sự tồn tại của hai hệ thống chính quyền thì sự hiện diện của chế độ Nhiếp chính (từ năm 858 - 1333), thể chế Thái Thượng hoàng (1086 - 1333) và tầng lớp võ sĩ đã tạo nên những nét đặc trưng trong cơ cấu xã hội Nhật Bản thời Trung thế. Đó là những cơ sở xã hội quan trọng khi Nhật Bản bước vào thời Cận thế (1543 - 1868) giai đoạn bắt đầu tiếp xúc với Châu Âu và là giai đoạn phát triển cuối cùng cao nhất của chế độ phong kiến ở Nhật Bản.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. G.Sansom, *Lịch sử Nhật Bản*, tập I, II, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1994
2. Phan Ngọc Liên (chủ biên), *Lịch sử Nhật Bản*, Nxb Văn hoá - Thông tin, Hà Nội, 1995.
3. Tập thể tác giả, *Tri thức cơ sở về lịch sử Nhật Bản*, Nxb Seiko, 1997, Bản tiếng Nhật.
4. Tập thể tác giả, *Sử Nhật Bản*, Nxb Yamagawa, 1994, Bản tiếng Nhật.
5. *Lịch sử Nhật Bản*, Tập VIII, *Thời Trung thế*, quyển 3, Nxb Seiko, 1971, Bản tiếng Nhật.
